

**BÁO CÁO HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG
NĂM 2025**

I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1.1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường Cao đẳng Xây dựng và Công nghệ - Xã hội.

1. Hội đồng Trường.
2. Ban Giám hiệu (Hiệu trưởng; 01 Phó Hiệu trưởng)
3. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:
 - 3.1. Phòng Tổng hợp;
 - 3.2. Phòng Kế hoạch - Đào tạo;
 - 3.3. Phòng Tài chính - Kế toán;
4. Các Khoa chuyên môn:
 - 4.1. Khoa Xây dựng;
 - 4.2. Khoa Điện - Điện tử;
 - 4.3. Khoa Cơ khí chế tạo - Động lực;
 - 4.4. Khoa Cơ bản;
 - 4.5. Khoa Công nghệ và Xã hội.
5. Trung tâm:

Trung tâm Dịch vụ Đào tạo và Giáo dục thường xuyên

6. Các hội đồng tư vấn

1.2. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường Cao đẳng Xây dựng và Công nghệ - Xã hội.

1.2.1. Danh sách các nghề đào tạo theo từng trình độ.

Bảng danh sách các nghề đào tạo theo từng trình độ.				
STT	TÊN NGHỀ VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	TUYỂN SINH ĐẾN 2025		
		2022-2023	2023-2024	2024-2025
CAO ĐẲNG		24	25	83
1	Kỹ thuật xây dựng	6	2	5
2	Trắc địa công trình	2	-	-
3	Điện dân dụng	-	-	-
4	Điện công nghiệp	14	21	62

STT	TÊN NGHỀ VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	TUYỂN SINH ĐẾN 2025		
		2022-2023	2023-2024	2024-2025
5	Cấp, thoát nước	2	1	9
6	Hàn	-	1	7
7	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	6	2	5
8	Kỹ thuật chế biến món ăn	2	-	-
9	Công nghệ ô tô	-	-	-
TRUNG CẤP		558	516	454
1	Kỹ thuật xây dựng	42	7	8
2	Trắc địa công trình	41	54	1
3	Điện công nghiệp	148	145	94
4	Điện dân dụng	43	48	54
5	Cấp, thoát nước	41	46	52
6	Cốt thép hàn	11	-	-
7	Nề hoàn thiện	-	-	-
8	Hàn	23	6	30
9	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	92	117	99
10	Kế toán doanh nghiệp	13	6	2
11	Điện – Nước	45	23	63
12	Kỹ thuật chế biến món ăn	40	53	41
13	Máy thời trang	19	11	8
14	Công nghệ ô tô	-	-	2
15	Tiếng Anh	-	-	-
16	Tiếng Trung Quốc	-	-	-
17	Tiếng Hàn Quốc	-	-	-
SƠ CẤP		221	302	216
1	Tin học văn phòng	-	-	1
2	Trắc địa công trình	-	-	1
3	Hàn	65	4	62
4	Điện công nghiệp	35	10	33
5	Điện dân dụng	5	30	30
6	Cơ điện nông thôn	-	-	-
7	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	35	-	-
8	Cấp, thoát nước	5	-	3
9	Kỹ thuật xây dựng	-	40	-
10	Cốt thép - Hàn	-	-	-
11	Bê tông	-	-	-
12	Cốp pha – giàn giáo	-	-	-

STT	TÊN NGHỀ VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	TUYỂN SINH ĐẾN 2025		
		2022-2023	2023-2024	2024-2025
13	Nề - Hoàn thiện	21	-	60
14	Điện – Nước	17	140	2
15	Sản xuất gốm xây dựng	-		-
16	Xếp dỡ cơ giới tổng hợp	11	15	17
17	Kỹ thuật chế biến món ăn	25	63	7
18	Máy công nghiệp	2	-	-
19	Tiếng Anh	-	-	-
20	Tiếng Trung Quốc	-	-	-
21	Tiếng Hàn Quốc	-	-	-
TỔNG		803	843	753

1.2.2. Các loại hình đào tạo của nhà trường

- Chính quy: Có
- Không chính quy: có (các lớp dạy ngắn hạn, bồi dưỡng chuyên đề)

1.2.3. Tổng số các khoa đào tạo: 05 Khoa + 1 trung tâm

1.2.4. Tổng số chuyên ngành đào tạo: 26

1.3. Đơn vị phụ trách về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng

1.3.1. Tên đơn vị: Phòng Kế hoạch – Đào tạo (Bộ phận Đảm bảo chất lượng)

1.3.2. Số lượng cán bộ: 04

1.3.3. Nhiệm vụ

a. Công tác đảm bảo chất lượng

- Tổ chức xây dựng và trình Hiệu trưởng ban hành các văn bản hướng dẫn về công tác khảo thí, hướng dẫn và theo dõi việc thực hiện các văn bản này tại các đơn vị trong Nhà trường;
- Phối hợp với các Khoa, lập kế hoạch và tổ chức triển khai xây dựng, sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, bộ đề thi kết thúc môn học/mô đun đối với các trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp nghề, đảm bảo đúng mục tiêu môn học/mô đun và chuẩn đầu ra của ngành đào tạo;
- Phối hợp tổ chức coi thi kết thúc môn học/mô đun; Tổ chức thi tốt nghiệp và xử lý các khiếu nại, khiếu kiện về thi, kiểm tra; cải tiến phương pháp thi cho phù hợp với yêu cầu của nghề và trình độ đào tạo nhằm nâng cao hiệu quả đánh giá chất lượng đào tạo; nghiên cứu, ứng dụng phương pháp, công nghệ mới vào công tác soạn thảo đề thi;
- Tổ chức, triển khai xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động Thương binh xã hội ban hành. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Hướng dẫn các Khoa chuyên môn xây dựng, tổ chức thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề trọng điểm;

- Tham mưu cho Hiệu trưởng về chiến lược, các giải pháp nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường bao gồm: phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập, phương pháp quản lý lớp, kiểm tra, đánh giá chất lượng đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo...;
- Tổ chức, triển khai, khảo sát lấy ý kiến phản hồi của nhà giáo, người học, học sinh sau tốt nghiệp về chương trình đào tạo và hoạt động chung của Nhà trường;
- Tiếp nhận, xử lý các loại hồ sơ, công văn liên quan đến công tác đảm bảo chất lượng; quản lý, lưu trữ hồ sơ tự đánh giá;
- Hướng dẫn, kiểm tra, báo cáo việc thực hiện công tác đảm bảo chất lượng đào tạo của Nhà trường;

b. Công tác Quản lý khoa học

- Tổ chức thực hiện và quản lý nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến. Xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học. Là đầu mối xúc tiến phát triển hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học. Quản lý dữ liệu, lưu trữ hồ sơ nghiên cứu khoa học.
- Xây dựng các kế hoạch nghiên cứu khoa học và thiết bị tự làm cho từng năm và đột xuất căn cứ vào phương hướng nhiệm vụ của Bộ, ngành, của trường trong từng giai đoạn và dựa vào tiềm năng đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất của trường;
- Chủ trì tổ chức các hội nghị khoa học của trường, lập báo cáo tổng kết công tác nghiên cứu khoa học và thiết bị tự làm hằng năm.
- Tổ chức thông báo, giới thiệu các kết quả nghiên cứu khoa học và thiết bị tự làm qua các hội nghị chuyên đề, hội nghị khoa học.
- Đề xuất những biện pháp thích hợp trong vấn đề hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước về nghiên cứu khoa học và đào tạo nghề.
- Thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo yêu cầu; thực hiện nhiệm vụ khác theo chức năng khi được phân công.

1.3.4. Điện thoại: 0978.660.502 – Phó Trưởng phòng.

1.3.5. Địa chỉ email: phongktvdbclcdxd@gmail.com

II. BÁO CÁO XÂY DỰNG, VẬN HÀNH, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

2.1. Tổng quan về hệ thống bảo đảm chất lượng đang vận hành

a) Đặt vấn đề

Hệ thống đảm bảo chất lượng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp là hệ thống các chính sách, quy trình, công cụ đối với tất cả các lĩnh vực, nội dung quản lý của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm duy trì, cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Hệ thống đảm bảo chất lượng phải phù hợp với điều kiện thực tiễn và dễ vận hành, liên tục cải tiến, đơn giản hóa các thủ tục đảm bảo chất lượng và đảm bảo khoa học, hiệu quả.

Hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường Cao đẳng Xây dựng và Công nghệ - xã hội tuân thủ các quy định hiện hành, phù hợp với mục tiêu đào tạo và thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của Nhà trường.

b) Thông tin về xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

b1) Căn cứ xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTĐBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

b2) Mục đích xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Thực hiện quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về công tác xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng.

- Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng đảm bảo phù hợp mục tiêu đào tạo, thể hiện tầm nhìn, sứ mạng và chiến lược phát triển của nhà trường.

b3) Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

1. Tuân thủ các quy định hiện hành, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đào tạo và thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong từng giai đoạn.

2. Nhấn mạnh vai trò của người quản lý, gắn kết với quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và lấy người học làm trung tâm.

3. Huy động sự tham gia của tất cả cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người học.

4. Tiếp cận theo quá trình, đảm bảo tính hệ thống, gắn kết với tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý.

5. Phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, dễ vận hành; liên tục cải tiến, đơn giản hoá các thủ tục bảo đảm chất lượng và đảm bảo khoa học, hiệu quả, tiết kiệm.

b4) Cách thức xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

1. Công tác chuẩn bị.

2. Xây dựng hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng.

3. Thiết lập hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng.

4. Phê duyệt và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng.

5. Đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng.

c) Chính sách chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Hoạt động đào tạo luôn lấy người học làm trung tâm, đào tạo theo nhu cầu của xã hội và cung ứng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước;

- Khuyến khích các hoạt động đổi mới, sáng tạo trong cán bộ giáo viên, công nhân viên, học sinh – sinh viên;
- Không ngừng cải tiến công tác quản lý, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ viên chức. Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ viên chức có đủ năng lực, phẩm chất đạo đức để đáp ứng các tiêu chí của cơ sở GDNN;
- Thực hiện cải tiến phương pháp giảng dạy, đánh giá đúng kỹ năng của học sinh, sinh viên.
- Mở rộng hợp tác trong và ngoài nước trong quá trình đào tạo; mở rộng quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng để tạo điều kiện và cơ hội việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp.
- Tăng cường bổ sung và phát huy hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, huy động các nguồn lực để đầu tư bổ sung trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập đạt chuẩn.
- Xây dựng nhà trường có môi trường xanh, sạch đẹp, trường học thân thiện, tác phong văn minh hiện đại, thể hiện tính chuyên nghiệp thực sự là lựa chọn khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên.
- Duy trì, cải tiến liên tục hệ thống quản lý chất lượng và đảm bảo tuân thủ theo tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định.

d) Mục tiêu chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt được năm 2025-2026

- Tuyển sinh năm 2025 đạt chỉ tiêu: 1220 HS-SV hệ chính quy (Cao đẳng 115 SV, Trung cấp 405 HS, Sơ cấp 350 HS);
- Có ít nhất 07 mô hình tham gia thiết bị tự làm cấp Tỉnh và 03 mô hình tham gia hội thi Thiết bị toàn quốc;
- 50% CBGV – CNV tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến cấp cơ sở. Đăng ký 01 đề tài KHCN cấp Bộ
- Đảm bảo 100% chương trình đào tạo có đủ tài liệu học tập.
- 100% trang thiết bị được bảo trì, bảo dưỡng theo kế hoạch, sẵn sàng các trang thiết bị phục vụ đào tạo đạt 90%.
- Hao hụt học sinh, sinh viên toàn trường trong năm dưới 5%.
- 90% giáo viên được đánh giá từ phía người học, trong đó có ít nhất 85% hài lòng về chất lượng giảng dạy của giáo viên.
- Duy trì và mở rộng mối quan hệ với ít nhất 5-7 doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh và các tỉnh lân cận. Lấy ý kiến từ 10-12 doanh nghiệp về chất lượng các hoạt động đào tạo của nhà trường.
- Giới thiệu việc làm cho 100% học sinh – sinh viên tốt nghiệp. Đảm bảo có ít nhất 80% học sinh – sinh viên ra trường có việc làm ngay.

đ) Danh mục các lĩnh vực quản lý chất lượng thực hiện được xây dựng và vận hành

- Đảm bảo chất lượng hoạt động dạy và học
- Đảm bảo chất lượng chương trình, giáo trình đào tạo

- Đảm bảo chất lượng cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động
- Bảo đảm chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, thư viện

e) Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng

Hệ thống internet của nhà trường được phủ rộng khắp từ khu điều hành đến các khu thực hành, nhà giảng đường. Do đó, giáo viên và người học có thể tiếp cận thông tin mọi lúc mọi nơi khi cần và truy cập vào Website của nhà trường để cập nhật thông tin.

Song hành với nỗ lực tin học hóa của toàn trường, hoạt động đảm bảo chất lượng của trường cũng hướng đến tập trung, chuẩn hóa toàn bộ các dữ liệu về đảm bảo chất lượng của trường, cho phép thông tin được thu thập 1 cách chính xác, khách quan, minh bạch và chia sẻ cho các bên có liên quan. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bao gồm 2 thành phần quan trọng là thông tin khảo sát các bên có liên quan và thông tin về chương trình đào tạo, giảng viên, sinh viên, cơ sở vật chất, nghiên cứu khoa học, tài chính...

Trong năm 2026 nhà trường tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu tập trung sử dụng phần mềm quản lý đào tạo, hướng tới số hóa toàn bộ hồ sơ đào tạo và quản trị nhà trường.

2.2. Đánh giá, cải tiến

a) Đánh giá:

a1) Tổng số đợt đánh giá: 01

a2) Tổng số đơn vị thuộc trường thực hiện tự đánh giá: 9 đơn vị

b) Cải tiến

b1) Nội dung của từng lĩnh vực quản lý chất lượng được chỉnh sửa, bổ sung cải tiến

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
Tổng số nội dung đang vận hành	4	
Số lượng nội dung thực hiện chỉnh sửa	0	
Số lượng nội dung được bổ sung	0	
Số lượng nội dung loại bỏ	0	

b2) Các quy trình, công cụ bảo đảm chất, lượng được cải tiến

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
Tổng số quy trình, công cụ đang vận hành	25	
Số lượng quy trình, công cụ thực hiện chỉnh sửa	01	
Số lượng quy trình, công cụ được bổ sung	0	
Số lượng quy trình, công cụ loại bỏ	0	

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

3.1. Ưu điểm:

- Các đơn vị trong Nhà trường đã hiểu rõ được tầm quan trọng của công tác Đảm bảo chất lượng.
- Cử cán bộ chủ chốt tham gia đầy đủ lớp tập huấn Bồi dưỡng đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo chi tiết.

3.2. Tồn tại, hạn chế:

- Thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy nên nhà trường hiện nay không có bộ phận chuyên trách về Đảm bảo chất lượng.
- Cán bộ chuyên trách chưa được tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao về đảm bảo chất lượng; Tập huấn về xây dựng quy trình, công cụ đảm bảo chất lượng; Xây dựng hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng.
- Hạ tầng thông tin máy móc, phần mềm phục vụ việc xây dựng, vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng còn hạn chế.

3.3. Nguyên nhân:

- Nhà trường là đơn vị sự nghiệp công lập kinh phí hàng năm thực hiện cho công tác đảm bảo chất lượng còn nhiều hạn chế.

3.4. Đề xuất:

*** Bộ Giáo dục và Đào tạo; Cục giáo dục nghề nghiệp - GDTX:**

- Mở nhiều lớp, nhiều lượt tập huấn bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn đối với các đơn vị phụ trách lĩnh vực đảm bảo chất lượng. Các khóa tập huấn chuyên sâu về bảo đảm chất lượng, kiểm định, phân tích, đo lường – đánh giá.
- Tạo điều kiện cung cấp kinh phí cho cơ sở GDNN trong công tác đánh giá ngoài cơ sở giáo dục nghề nghiệp và chương trình đào tạo nghề trọng điểm.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh (để b/c);
- Cục Giáo dục nghề nghiệp – GDTX (để b/c);
- Lưu: VT, KH - ĐT.



TS. Nguyễn Thị Hoài